TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **539**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 410/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 1994; CCCD số: 046194011716; Địa chỉ: Tổ B Khu V, phường T, thành phố H;

Bị đơn: Anh **Cái Viết T1,** sinh năm 1990; CCCD số: 046090017807; Địa chỉ: 9 M, phường T, thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57,58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Thanh T và anh Cái Viết T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Phan Thị Thanh T và anh Cái Viết T1 xác nhận vợ chồng chung sống có 03 con chung tên là Cái Thị Thúy H, sinh ngày 11/5/2016; Cái Viết Gia K, sinh ngày 09/4/2021; Cái Viết Gia P, sinh ngày 21/5/2023. Hiện nay các cháu đang ở với chị T.

Chị Phan Thị Thanh T và anh Cái Viết T1 thỏa thuận: Giao 03 con chung là cháu Cái Thị Thúy H, Cái Viết Gia K, Cái Viết G cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T1 cấp

dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng (5.000.000 đồng/cháu/tháng) cho đến khi cháu H, K, Phước thành N (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Thanh T và anh Cái Viết T1 cùng xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự (ly hôn) sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí ly hôn là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng và 50% án phí cấp đường là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng. Chị Phan Thị Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001839 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hóa, thành phố Huế *(ĐKKH số 113 ngày 25/11/2013 tại UBND Phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cũ);*
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến